

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Trường tiểu học Quốc Tuấn
Chương: 822

CÔNG KHAI
DỰ TOÁN THU- CHI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo kế hoạch thu – chính năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Quốc Tuấn)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán thu-chi cả năm học
1	2	3
A	Tổng số thu, chi,	
I	Số thu	
	1.BHYT : HS lớp 1 hạn chế từ 12 đến 15 tháng (từ 631.800 / 12 tháng 789.750 đ/ 15 tháng); Lớp 2,3,4,5: 631.800 đ/ HS/ năm	504.492.000
	2.Quỹ Vòng tay bè bạn : 40.000đ/HS/ năm	31.360.000
	3.Phục vụ Nước uống cho HS:784 HS x10.000x9T	70.560.000
	4.DV Trông giữ xe cho HS: 20.000đ/tháng x 9 tháng x 230 HS	41.400.000
	5.DV hỗ trợ cho HD giáo Dục dạy học 2 buổi/ ngày ngày: 30.000đ/ tháng 784 HSx 95%)	207.446.400
	6.Ăn bán trú (Theo HS đăng ký): 29.000đ/ ngày x 200 HS	1.305.000.000
	7.Phục vụ Chăm ăn, trông trưa: 120.000đ/ HS/ thángx 250 HS từ 05/9	270.000.000
	8.Kỹ năng sống:10.000đ/ tiết x 2 tiết/ tuần(học từ 15/9/2025) x 784 HSx 95%; + Học liệu 30.000 đ/ Tháng	506.464.000
	9.Tiếng Anh GV Việt Nam 1,2: 10.000đ/ Tiết/HS x 1 tiết/ tuần x 326HS	104.975.000
	10.Tiếng Anh GV nước ngoài khối 1,2,3,4,5: 35. 000đ/ tiết x 1 tiết / tuầnx 784 HSx 95%	886.312.000
	11.Quản lý ngoài giờ hành chính: 784HS x 10000đ/ 65 phút x 95%	992.480.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp Giáo dục.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	1.BHYT :- nộp về BHXH	
	2. Quỹ Vòng tay bè bạn	31.360.000
	- Nộp huyện đoàn 25%	7.840.000
	- Chi mua sổ sách và các HD đội	23.520.000
	3. Phục vụ Nước uống cho HS : Nộp 100% về đơn vị cung cấp nước tinh khiết	70.560.000
	4. DV Trông giữ xe cho HS : 20.000đ/tháng x 9 tháng x 230 HS	41.400.000
	- Chi nộp thuế 10%	4.140.000

	- Chi trông coi xe 80%	33.120.000
	- Chi CSVC nhà xe 10%	4.140.000
	5. 5.DV hỗ trợ cho HD giáo Dục dạy học 2 buổi/ ngày (ngày: 30.000đ/ tháng x 9 tháng 784 HSx 98%)	207.446.400
	nộp thuế 2%	4.149.000
	- Hỗ trợ điện nước 15%	31.116.000
	- Mua sắm , sửa chữa CSVC	172.181.400
	6. Ăn bán trú :29.000đ/ Ngày/ HS ăn Nộp 100% về công ty cung cấp bữa ăn	1.305.000.000
	8.Kỹ năng sống:	506.464.000
	TD : -Nộp về công ty 73%	369.718.720
	- Chi tại trường 27%:	136.745.280
	- TD +Nộp thuế 0,54%	2.734.940
	- Chi Quản lý , GVCN 16%	81.034.240
	- Chi Phúc lợi 5%	25.323.200
	- Chi CSVC 5,46%	27.652.900
	9.Tiếng Anh GV Việt Nam L 1,2: 40.000đ/ Tháng /HS	104.975.000
	-Nộp về công ty 73%	76.631.000
	-Đề tại trường 27%	
	- TD -Nộp thuế 0,54%	566.900
	- Chi Quản lý , GVCN 16%	16.796.000
	- Chi Phúc lợi 5%	5.248.000
	- Chi CSVC 5,46%	5.731.600
	11. Tiếng Anh GV Nước ngoài khối 1,2,3,4,5:	886.312.000
	-Nộp về công ty 80%	709.049.600
	-Đề tại trường 20%	
	- TD -Nộp thuế 0,4%	3.545.248
	- Chi Quản lý , GVCN 12%	106.357.440
	- Chi Phúc lợi 3%	26.589.360
	- Chi CSVC 4,6%	400.770.400
	13.Trông ngoài giờ học chính thức:	922.480.000
	Trong đó: -Chi GV trông 68,6%	632.821.280
	- Chi Quản lý 15%	138.372.000
	- Chi CSVC 8,4%	77.488.300
	- Chi phúc lợi 6%	55.348.800
	- Nộp thuế 2%	18.449.600
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	

KẾ TOÁN

Hạt

HIỆU TRƯỞNG

